

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

LATSAMY VILAYVONG

**QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG XUẤT NHẬP KHẨU
TẠI TỈNH SAVANNAKHET,
CHDCND LÀO**

Chuyên ngành: Kinh tế phát triển

Mã số: 62.31.01.05

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

Đà Nẵng – Năm 2015

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: GS.TS. VÕ XUÂN TIẾN

Phản biện 1: TS. Nguyễn Hiệp

Phản biện 2: PGS.TS. Trần Hữu Đào

Luận văn đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế học tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 19 tháng 12 năm 2015

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin-Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Xuất nhập khẩu là một ngành kinh tế mũi nhọn của nền kinh tế quốc dân, đảm nhận chức năng lưu thông hàng hóa dịch vụ giữa trong và ngoài nước, là một bộ phận cấu thành của nền kinh tế. Hoạt động này cũng cần phải được quản lý theo một cơ chế nhất định, mang tính đặc thù. Đó là cơ chế quản lý xuất nhập khẩu.

Thời gian qua, Nhà nước CHDCND Lào nói chung và tỉnh Savannakhet nói riêng, đã tăng cường quản lý đối với hoạt động XNK, song trong bối cảnh hội nhập quốc tế mạnh mẽ hiện nay, quản lý hoạt động XNK còn biểu hiện nhiều vấn đề bất cập:

- Hệ thống pháp luật về xuất nhập khẩu chưa được xây dựng đồng bộ và tương thích với luật pháp quốc tế.

- Nhà nước Lào nói chung và tỉnh Savannakhet nói riêng giờ chưa sử dụng đồng bộ, linh hoạt các công cụ, biện pháp kinh tế để điều tiết hoạt động XNK như: công cụ lãi suất, tỷ giá hối đoái, giá cả, tín dụng, thuế VAT, thuế quan và các biện pháp phi thuế... nên hiệu lực và hiệu quả quản lý chưa cao.

- Công tác hoạch định chiến lược, chính sách còn chưa đánh giá đúng khả năng trong nước, tính áp đặt chủ quan còn khá lớn.

- Năng lực về đội ngũ cán bộ còn hạn chế, còn thiếu về số lượng và yếu về chất lượng. Nhìn chung, chưa đáp ứng với yêu cầu của hội nhập kinh tế quốc tế.

Vì vậy, việc hoàn thiện công tác quản lý hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa trong thời gian tới là một yêu cầu cấp thiết. Xuất phát từ lý do đó, tác giả đã chọn đề tài: ***“Quản lý hoạt động xuất nhập khẩu tại tỉnh Savannakhet, CHDCND Lào”*** làm luận văn thạc sĩ của mình.

2. Mục tiêu nghiên cứu

- Hệ thống hóa các vấn đề lý luận về quản lý hoạt động XNK.
- Phân tích thực trạng quản lý hoạt động XNK Tại tỉnh Savannakhet.
- Đề xuất quản lý để hoàn thiện việc quản lý hoạt động XNK Tại tỉnh Savannakhet thời gian tới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: tất cả những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến quản lý hoạt động xuất nhập khẩu tại tỉnh Savannakhet.

- Phạm vi nghiên cứu: hoạt động quản lý xuất nhập khẩu gồm rất nhiều vấn đề, tuy nhiên trong khuôn khổ của luận văn, chỉ tập trung nghiên cứu một số vấn đề liên quan đến các chính sách quản lý và công cụ quản lý của Nhà nước đối với hoạt động XNK nói chung và hoạt động xuất nhập khẩu tại tỉnh Savannakhet nói riêng.

+ Về không gian: luận văn nghiên cứu hoạt động quản lý XNK tại tỉnh Savannakhet.

+ Về thời gian: các giải pháp đề xuất trong luận văn có ý nghĩa trong giai đoạn từ nay đến năm 2020.

4. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện mục tiêu nghiên cứu trên, luận văn sử dụng phương pháp sau đây:

- Các phương pháp phân tích thực chứng, phân tích chuẩn tắc,
- Phương pháp khảo sát,
- Phương pháp phân tích, so sánh, tổng hợp,
- Phương pháp khác.

5. Bố cục của đề tài

Ngoài phần mở đầu, danh mục tài liệu tham khảo... Bố cục đề tài này còn có nội dung chính như sau:

Chương 1: Cơ sở lý luận về quản lý hoạt động XNK.

Chương 2: Thực trạng của quản lý hoạt động XNK tại tỉnh Savannakhet.

Chương 3: Giải pháp quản lý hoạt động XNK tại tỉnh Savannakhet thời gian tới.

6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

Các nghiên cứu về quản lý hoạt động XNK của các nền kinh tế có nhiều. Nhưng thường các nghiên cứu có thể theo nhiều hướng tiếp cận khác nhau.

Tầm quan trọng của XNK với nền kinh tế đã được đề cập trong nhiều nghiên cứu kinh tế. Trong hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa dịch vụ là nòng cốt của hoạt động thương mại quốc tế. Nó đã xuất hiện từ lâu trong lịch sử và đóng góp ngày càng lớn vào sự phát triển chung của kinh tế thế giới.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG XUẤT NHẬP KHẨU

1.1. KHÁI QUÁT VỀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG XUẤT NHẬP KHẨU

1.1.1. Khái quát hoạt động XNK

Có nhiều khái niệm khác nhau về ngoại thương hay XNK. Song xét về đặc trưng thì XNK được định nghĩa là việc mua, bán hàng hóa và dịch vụ qua biên giới quốc gia. Tức là vai trò của nó như chiếc cầu nối giữa cung, cầu hàng hóa và dịch vụ của thị trường trong và ngoài nước về số lượng, chất lượng và thời gian sản xuất.

1.1.2. Khái niệm về quản lý hoạt động XNK

Quản lý hoạt động XNK nền kinh tế quốc dân là sự tác động có tổ chức và bằng pháp quyền của Nhà nước lên nền kinh tế quốc dân nhằm sử dụng có hiệu quả nhất các nguồn lực kinh tế trong và ngoài nước, các cơ hội có thể có, để đạt được các mục tiêu phát triển kinh tế đất nước đã đặt ra, trong điều kiện hội nhập và mở rộng giao lưu quốc tế. Quản lý nhà nước về kinh tế là nội dung cốt lõi của quản lý các hoạt động xã hội liên quan đến kinh tế nói chung và nó phải gắn chặt với các hoạt động quản lý khác của xã hội.

1.1.3. Vai trò của quản lý hoạt động XNK

Vai trò của quản lý về hoạt động XNK bắt nguồn từ sự cần thiết phải phối hợp các hoạt động lao động chung trên cơ sở xã hội hoá sản xuất và xuất nhập khẩu. Lực lượng sản xuất và trình độ phát triển sản xuất hàng hoá càng cao thì càng cần thiết phải thực hiện vai trò này một cách chặt chẽ và nghiêm ngặt.

1.2. NỘI DUNG CỦA QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG XNK

1.2.1. Hoạch định chiến lược XNK

Chiến lược XNK là một bản luận cứ có cơ sở khoa học xác

định mục tiêu và đường hướng phát triển XNK của đất nước trong khoảng thời gian 10 năm hoặc dài hơn, là căn cứ để hoạch định các chính sách NNK. Chiến lược XNK xác định tầm nhìn của một quá trình phát triển mong muốn, thể hiện sự nhất quán về con đường và các giải pháp cơ bản để thực hiện mục tiêu XNK.

Mô hình chiến lược XNK do nhiều yếu tố ảnh hưởng; trong đó chủ yếu là:

+ Chế độ chính trị - xã hội và con đường phát triển được lựa chọn có ảnh hưởng quyết định đến nội dung của chiến lược.

+ Hoàn cảnh lịch sử và trình độ phát triển ở từng giai đoạn của đất nước, gắn với các yêu cầu thực hiện các nhiệm vụ đặt ra trong giai đoạn đó.

Tùy thuộc vào bối cảnh, mục tiêu chính cần đạt tới của chiến lược.

❖ Mục tiêu chung của chiến lược XNK

+ Phát triển sản xuất để tăng nhanh XK, đồng thời đáp ứng nhu cầu trong nước; khai thác tốt lợi thế so sánh của nền kinh tế, nâng cao hiệu quả, năng lực cạnh tranh XNK và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, giải quyết việc làm và tiến tới cân bằng cán cân thương mại.

+ Xây dựng, củng cố các đối tác hợp tác chiến lược để phát triển thị trường bền vững; kết hợp hài hòa lợi ích trước mắt và lợi ích lâu dài của quốc gia, lợi ích kinh tế và lợi ích chính trị - đối ngoại, chủ động và độc lập tự chủ trong hội nhập kinh tế quốc tế.

+ Đa dạng hóa thị trường XNK. Tích cực và chủ động tham gia vào mạng lưới sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu; chú trọng xây dựng và phát triển hàng hóa có giá trị gia tăng cao, có thương hiệu trên thị trường trong và ngoài nước.

1.2.2. Tổ chức hoạt động XNK

Là quá trình tổ chức, sắp xếp, bố trí các hoạt động để thực hiện chiến lược XNK với các công cụ đã có. Quá trình này gồm 3 bước.

a. Bộ máy quản lý hoạt động XNK

Cần phải có lựa chọn một cơ quan nhận nhiệm vụ chính thức chủ trì thực thi và một số cơ quan khác tham gia.

Cần phải chú trọng công tác lựa chọn đào tạo bồi dưỡng cán bộ thực thi chiến lược, đây có thể coi là khâu quyết định trong việc thực thi thành công chiến lược.

Nhân tố con người này có vai trò quyết định trong việc tổ chức các chiến lược XNK.

Ngoài ra cải cách thủ tục hành chính khiến cho thủ tục đơn giản để khâu ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể hóa chiến lược.

b. Tổ chức hoạt động XNK

Việc triển khai chiến lược có vai trò quyết định sự thành công của chiến lược. Đây là nhiệm vụ mà bộ máy tổ chức thực hiện chiến lược phải hoàn thành. Một bộ máy tốt thì phải tổ chức triển khai để đưa chiến lược vào cuộc sống.

Chiến lược nói chung thường được triển khai thông qua các dự án, và các dự án thường được triển khai để giải quyết khâu yếu nhất của chiến lược.

Việc triển khai chiến lược liên quan đến nhiều cơ quan ban ngành do đó cần phải hoàn thiện việc phối hợp giữa các cơ quan và các ngành trong triển khai chiến lược cũng có ý nghĩa quan trọng.

c. Kiểm tra hoạt động XNK

Chiến lược sau khi triển khai thực hiện sẽ tác động tới đối tượng chiến lược và làm thay đổi đạt tới mục tiêu đề ra.

Kiểm tra và đánh giá thực thi chiến lược, tổ chức và vận hành tốt hệ thống thu thập thông tin về thực hiện chiến lược.

Tổ chức đánh giá việc thực thi chiến lược trên cơ sở đánh giá hiệu lực và hiệu quả của chiến lược. Những điều chỉnh chiến lược hợp lý sẽ bảo đảm cho thành công của chiến lược.

1.2.3. Chính sách phục vụ hoạt động XNK

Chính sách XNK là hệ thống các quan điểm, chuẩn mực, thể chế và phương thức mà Nhà nước sử dụng, tác động vào các chủ thể XNK và thị trường để điều chỉnh các hoạt động XNK nhằm đạt các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ nhất định.

a. Chính sách phát triển XK

❖ **Chính sách chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu:** Chính sách hình thành và phát triển các vùng sản xuất hàng xuất khẩu; Chính sách phát triển các ngành hàng sản xuất và xuất khẩu; Chính sách chuyển dịch cơ cấu sản phẩm xuất khẩu

❖ **Chính sách và phương hướng phát triển thị trường xuất khẩu**

❖ Chính sách và biện pháp hỗ trợ xuất khẩu

◆ Các biện pháp để tạo nguồn hàng và cải biến cơ cấu xuất khẩu:

- Xây dựng các mặt hàng xuất khẩu chủ lực;
- Gia công xuất khẩu; Các biện pháp đầu tư liên quan đến tổ chức nguồn hàng, cải biến cơ cấu xuất khẩu;

- Xây dựng các khu kinh tế mở

◆ Các biện pháp, chính sách tài chính nhằm khuyến khích sản xuất và thúc đẩy XK:

- Nhà nước bảo lãnh tín dụng XK

- Bảo hiểm tín dụng; Nhà nước cấp tính dụng XK

◆ Các biện pháp về thể chế và xúc tiến XK:

- Ở cấp quốc gia hoạt động xúc tiến XK

- Ở cấp doanh nghiệp hoạt động xúc tiến XK

b. Chính sách nhập khẩu

◆ Sử dụng vốn NK tiết kiệm, hợp lý đem lại hiệu quả kinh tế cao

◆ Nhập khẩu thiết bị kỹ thuật tiên tiến hiện đại, phù hợp với điều kiện của quốc gia

◆ Bảo vệ và thúc đẩy sản xuất trong nước phát triển, tăng nhanh XK

1.3. NHÂN TỐ CƠ BẢN TÁC ĐỘNG ĐẾN QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG XNK

1.3.1. Xu thế toàn cầu hóa

1.3.2. Môi trường xã hội

1.3.3. Đặc điểm phát triển kinh tế và thương mại

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CỦA QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG XNK TẠI TỈNH SAVANNAKHET

2.1. ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN ẢNH HƯỞNG ĐẾN XNK CỦA TỈNH SAVANNAKHET

2.1.1. Đặc điểm tự nhiên

Tỉnh Savannakhet nằm trong miền trung của nước Lào, Phía Bắc giáp với tỉnh Khammouane với chiều dài 314 Km, Phía Nam giáp với tỉnh Salavan với chiều dài 259 Km, Phía Đông giáp với Việt Nam với chiều dài 135.8 Km, Phía Tây giáp với Thái Lan với chiều dài 153 Km, có diện tích 21,774 km².

2.1.2. Đặc điểm xã hội

Môi trường xã hội là yếu tố cơ bản điều chỉnh hành vi và tác động sâu sắc đến kết quả hành động con người trong đó có hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tỉnh Savannakhet xây dựng và phát triển theo đường lối của Đảng Bộ tỉnh Savannakhet với một hệ thống chính trị và thể chế chặt chẽ bao gồm các cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp từ trung ương đến địa phương.

2.1.3. Đặc điểm kinh tế

a. Tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Từ năm 2010 tăng trưởng liên tục với quy mô GDP tăng 6,918.55 tỷ kíp, năm 2014 tăng lên 14,447.32 tỷ kíp. Năm 2010 tỷ trọng của ngành nông lâm nghiệp tăng lên 45.33%, ngành công nghiệp - thủ công tăng lên 29.50%, ngành dịch vụ tăng lên 25.17%. Năm 2014 tỷ trọng của ngành NN - LN tăng lên 38.12%, ngành công nghiệp - thủ công tăng lên 34.70%, ngành dịch vụ tăng lên 27.18%.

b. Tình hình kim ngạch XNK của tỉnh Savannakhet trong thời gian qua

Bảng 2.1. Kim ngạch XNK trong giai đoạn 2010 - 2014

Đơn vị tính USD

Năm	Tổng số	Chia ra		Cân đối
		Xuất khẩu	Nhập khẩu	
2010	1,103,181,238	731,613,369	371,567,869	360,045,500
2011	1,945,081,746	1,249,625,748	695,455,998	554,169,750
2012	1,193,296,213	862,381,721	330,914,492	531,467,229
2013	1,268,147,829	974,660,892	293,486,937	681,173,955
2014	1,170,753,507	877,097,232	293,656,275	583,440,957
Tổng	<u>6,680,460,533</u>	<u>4,695,378,962</u>	<u>1,985,081,571</u>	<u>2,710,297,391</u>

Nguồn: Sở Công Thương tỉnh Savannakhet.

Qua bảng có thể thấy tổng số kim ngạch XNK tỉnh Savannakhet đã tăng dần từ 731 triệu USD năm 2010 lên tới 877 triệu USD vào năm 2014.

Bảng 2.2. Tình hình xuất khẩu hàng hóa của tỉnh Savannakhet trong giai đoạn năm 2010 – 2014

Đơn vị tính Triệu USD

TT	Danh Mục	2010	2011	2012	2013	2014
1	Gỗ và SP gỗ	9,468	17,690	14,685	13,298	33,879
2	Lâm sản	802	583	877	45	630
3	SPNN	7,487	1,936	6,571	26,479	12,655
4	SPCN	23,390	43,557	47,388	97,129	99,606
5	Tạm nhập tái xuất	99,208	60,454	53,030	67,866	88,523
6	HH qua biên giới	40,695	324,236			
7	Khoáng chất	550,562	801,166	739,820	769,841	641,801
8	Các mặt hàng khác			8,280		
	Tổng	<u>731,613</u>	<u>1,249,625</u>	<u>862,381</u>	<u>974,660</u>	<u>877,097</u>

Nguồn: Sở Công Thương tỉnh Savannakhet.

Đối với các mặt hàng nhập khẩu của tỉnh Savannakhet trong thời gian qua đã có khá nhiều các loại hàng hóa khác nhau đối với nhập khẩu của đã có xu hướng giảm dần qua các năm, được thể hiện qua bảng 2.3, hình 2.2 và hình 2.3

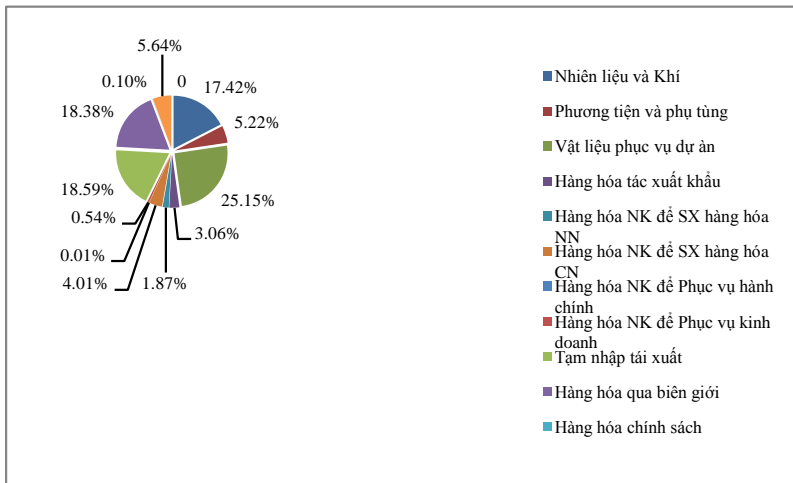
Bảng 2.3. Tình hình nhập khẩu hàng hóa của tỉnh Savannakhet trong giai đoạn năm 2010 – 2014

Đơn vị tính Triệu USD

TT	Danh Mục	2010	2011	2012	2013	2014
1	Nhiên liệu và Khí	68,120	81,197	75,632	76,806	44,093
2	Phương tiện và phụ tùng	23,155	16,334	28,292	23,161	12,765
3	Vật liệu phục vụ dự àn	108,316	163,265	146,109	35,802	45,809
4	Hàng hóa tác xuất khẩu	3,864	7,305	4,534	23,835	21,298
5	Hàng hóa NK để SX hàng hóa NN	1,520	2,751	742,871	16,998	15,050
6	Hàng hóa NK để SX hàng hóa CN	12,381	15,814	6,820	18,956	25,681
7	Hàng hóa NK để Phục vụ hành chính	65	75	43		
8	Hàng hóa NK để Phục vụ kinh doanh	1,685	3,184	2,466	1,774	1,512
9	Tạm nhập tái xuất	99,208	60,454	53,030	67,866	88,523

10	Hàng hóa qua biên giới	40,695	324,236			
11	Hàng hóa chính sách	488,464	149,608	877,310	442,971	
12	H.Hóa hỗ trợ					
13	Hàng hóa NK để tiêu dùng trong nước	12,065	20,686	12,364	27,841	38,921
	Tổng	<u>371,567</u>	<u>695,455</u>	<u>330,914</u>	<u>293,486</u>	<u>293,656</u>

Nguồn: Sở Công Thương tỉnh Savannakhet.



Hình 2.3. Tình hình tỷ trọng nhập khẩu hàng hóa của tỉnh Savannakhet trong giai đoạn năm 2010 – 2014

Nguồn: Sở công thương tỉnh Savannakhet

Qua hình 2.3 có thể thấy được mặt hàng tạm nhập tái xuất chiếm tỷ trọng cao nhất với mức 25,15% và thứ hai là vật liệu phục vụ dự án và nhỏ xuống theo thứ tự đến tỷ trọng thấp nhất là hàng hóa nhập khẩu để sản xuất hàng hóa công nghiệp chỉ chiếm 0,01%.

c. Các thị trường xuất khẩu và nhập khẩu của tỉnh Savannakhet

Bảng 2.4. Các thị trường xuất khẩu và nhập khẩu của tỉnh Savannakhet từ năm 2012 - 2014

Đơn vị tính triệu USD

Nước	2012		2013		2014	
	Xuất khẩu	Nhập khẩu	Xuất khẩu	Nhập khẩu	Xuất khẩu	Nhập khẩu
Thái Lan	513,512	247,121	604,725	173,177	607,567	170,197
Việt Nam	161,931	57,681	183,856	79,497	162,449	84,371
Úc	77,920	425	62,166	41	11,347	
Hàn Quốc		20,982	13,658	12,959	196,33	3,562
Trung Quốc	77,659	4,183	87,890	6,309	83,348	22,227
Nhật Bản	9,024	326	188	239	225	1,104,47
Singapore				1,368	195	1,072
Malaixia	31,323		733		99	
Indônêxia			3,023	19,781		11,023
Các nước khác	24	192	18,417	110	11,692	97
Tổng	871,396	330,914	974,660	293,486	877,122	293,656

Nguồn: Sở Công Thương tỉnh Savannakhet.

Qua bảng 2.4 chúng ta có thể thấy rằng các thị trường XNK chủ yếu của Savannakhet là Thái Lan, Việt Nam và nhiều nước trên thế giới ngoài ra cũng có các tỉnh thành phố của Lào trong thời gian ba năm đều có xu hướng giảm dần qua các năm.

2.2. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG XNK CỦA TỈNH SAVANNAKHET

2.2.1. Thực trạng của chiến lược xuất nhập khẩu của tỉnh Savanakheth

Chiến lược đẩy mạnh hoạt động XNK của tỉnh nhằm tập trung vào các mục tiêu: định hướng các hoạt động XNK phục vụ nền kinh tế đang chuyển đổi và nhanh chóng tiếp cận với TMQT. Quá trình này được thực hiện theo từng giai đoạn, gắn liền trình độ năng lực của nền kinh tế đất nước và theo hướng loại bỏ những cấm đoán, hạn chế XNK và giảm dần sự can thiệp bằng các biện pháp hành chính.

Để quản lý các hoạt động XNK đi đúng hướng và hiệu quả, khi thực hiện các bộ luật cơ bản như Luật Thương mại, Luật Doanh nghiệp, Luật Công ty, Luật Đầu tư nước ngoài, Luật Hải quan, Luật Thuế xuất khẩu, nhập khẩu... Tỉnh đã ban hành hàng loạt văn bản dưới luật, như Quyết định và nhiều văn bản khác về quản lý nhà nước đối với hoạt động XNK, đầu tư nước ngoài và đổi mới cơ chế quản lý hoạt động XNK.

Song song với ban hành các công cụ chính sách trong nước, Tỉnh đã xác lập quan hệ thương mại song phương, tham gia các tổ chức kinh tế - thương mại khu vực và quốc tế để phục vụ cho chính sách ngoại thương và mở đường cho hoạt động XNK vươn ra thế giới.

Nhìn chung, Những năm qua cùng với sự đổi mới cơ chế quản lý nền kinh tế nước CHDCND Lào theo tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, mô hình quản lý XNK của Tỉnh cũng đã có những thay đổi về cơ bản từ kiểu quản lý tập trung bao cấp sang quản lý theo cơ chế thị trường của nhà nước. Cơ chế này theo hướng mở hơn và được điều chỉnh liên tục cho phù hợp với các cam kết song và đa phương của Lào với các nước và tổ chức quốc tế cũng như đặc điểm tình hình

của nền kinh tế. Các công cụ thị trường đã được vận dụng khá linh hoạt trong quản lý XNK và bộ máy quản lý cũng tinh giảm gọn nhẹ và hiệu quả hơn.

2.2.2. Thực trạng về tổ chức hoạt động XNK

Tổ chức quản lý hoạt động XNK gồm có 3 nhóm:

- *Nhóm quản lý theo cấp hành chính*: do Chính phủ thông qua các Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố và Ủy ban nhân dân các quận, huyện trực thuộc điều chỉnh các chủ thể XNK.

- *Nhóm quản lý trực tiếp*: do Chính phủ trực tiếp điều hành và thông qua Bộ Công thương, các cơ quan đại diện Bộ Công thương ở các khu vực để điều chỉnh các chủ thể XNK.

- *Nhóm quản lý chuyên ngành*: do Chính phủ thông qua các Bộ chuyên ngành và các cơ quan chuyên ngành trực thuộc để điều chỉnh các chủ thể XNK.

2.2.3. Thực trạng về chính sách phục vụ hoạt động XNK

Chính phủ rất chú trọng việc điều tiết và quản lý XNK thông qua chính sách tài chính, giá cả như: ban hành “Danh mục các mặt hàng thuộc diện nhà nước quản lý giá tính thuế nhập khẩu” và “Bảng giá mua tối thiểu” đối với các mặt hàng thuộc diện Nhà nước quản lý giá tính thuế; thay đổi giá “sàn” đối với hàng xuất khẩu và giá “trần” đối với hàng nhập khẩu; thay đổi thuế suất và tỷ lệ phụ thu đối với một số mặt hàng XNK phù hợp với điều kiện của từng thời kỳ....

2.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG XNK CỦA TỈNH SAVANNAKHET

2.3.1. Thành tựu và hạn chế

a. Thành tựu

- Chính sách, cơ chế điều hành XNK từng bước được hoàn thiện, ổn định lâu dài và có thể nhận biết trước.

- Quyền kinh doanh XNK và phân phối ngày càng được mở rộng tối đa, chấm dứt độc quyền XNK của doanh nghiệp Nhà nước.

- Chính phủ công bố lộ trình thực hiện các công cụ bảo hộ mới theo thông lệ quốc tế như hạn ngạch thuế quan, thuế tự vệ, thuế chống phá giá và thuế chống trợ cấp.

- Hệ thống pháp luật về thương mại và quản lý XNK cơ bản được ban hành thực sự là công cụ thiết yếu điều chỉnh các hoạt động thương mại đi đúng hướng và thúc đẩy XNK phát triển.

- Hệ thống chính sách thuế XNK tiếp tục cải cách theo lộ trình và các cam kết quốc tế, bám sát các mục tiêu: nâng cao năng lực cạnh tranh của hàng hóa Lào trên thị trường thế giới với yêu cầu bảo vệ và hỗ trợ nền sản xuất trong tỉnh, đảm bảo nguồn thu Ngân sách.

- Từng bước ban hành những chính sách quản lý ngoại hối và điều hành tỷ giá phù hợp với diễn biến của thị trường tiền tệ quốc tế và thực tiễn hoạt động XNK, đã cải thiện cơ bản cán cân thương mại và cán cân thanh toán quốc tế của Lào.

- Đẩy mạnh tiến trình hội nhập, tham gia sâu vào các tổ chức quốc tế và khu vực.

- Các đối tượng XNK từng bước được hoàn thiện theo hướng đơn giản hóa, đảm bảo hiệu quả và tuân thủ thông lệ quốc tế.

b. Hạn chế

Bện cạnh những thành tựu, quản lý XNK vẫn chưa ngang tầm với yêu cầu và mục tiêu đặt ra: Hệ thống pháp luật về quản lý XNK vẫn chưa đồng bộ và phù hợp với cơ chế thị trường và thực tiễn phát triển nhanh chóng của TMQT; Chính sách, cơ chế điều hành XNK chưa theo kịp với mục tiêu phát triển trong giai đoạn mới; Hệ thống chính sách thuế XNK chưa theo kịp với xu thế hội nhập; Hàng rào thương mại chưa phù hợp với chuẩn mực quốc tế; Tồn tại những bất cập trong quản lý ngoại hối và tỷ giá; Thủ tục hải quan còn rườm rà,

phức tạp; Trình độ năng lực cán bộ và cải cách thủ tục hành chính chưa đáp ứng yêu cầu; Thiếu sự thống nhất, đồng bộ giữa các sở ngành và các địa phương trong tỉnh về quản lý XNK; Cơ sở hạ tầng bất cập, chi phí vẫn cao cản trở hoạt động XNK.

2.3.2. Nguyên nhân của các hạn chế

- Xu hướng toàn cầu hóa và tự do thương mại diễn ra ngày càng mạnh mẽ tạo sức ép và khó khăn rất lớn đối với Lào nói chung và tỉnh Savannakhet nói riêng, trong quá trình cam kết mở cửa thị trường và hội nhập kinh tế.

- Savannakhet vẫn là tỉnh sản xuất nông nghiệp, năng suất lao động còn thấp, cơ sở vật chất kỹ thuật trọng yếu và công nghiệp hóa vẫn còn nghèo nàn, khai thác tài nguyên và gia công vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong kim ngạch xuất khẩu, công nghiệp phụ trợ chậm phát triển, ngân sách nhà nước vẫn bị thiếu hụt, giá cả hàng hóa có xu hướng tăng, nhập siêu không giảm;

- Tỷ trọng và chất lượng đầu tư phát triển trong đó đầu tư xã hội cho sản xuất hàng xuất khẩu nhìn chung vẫn còn thấp, ảnh hưởng đến khả năng gia tăng qui mô sản xuất và xuất khẩu.

- Tình trạng thiếu hụt cán cân thương mại có thể là hệ quả tất yếu của giai đoạn đầu phát triển kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, nhất là đối với nền kinh tế có độ mở tương đối cao như Savannakhet trong điều kiện hội nhập sâu vào nền kinh tế thế giới.

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG

XNK TẠI TỈNH SAVANNAKHET THỜI GIAN TỚI

3.1. PHƯƠNG HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI

3.1.1. Phương hướng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Savannakhet đến năm 2020

a. Chiến lược phát triển kinh tế

Đảm bảo mức độ tăng trưởng của tổng thu nhập quốc dân tăng trung bình 11.5%/năm. Trong đó ngành nông lâm nghiệp tăng 7-7.5% chiếm 27-28.79%, công nghiệp tăng 14-15% chiếm 37-38.85% và ngành dịch vụ tăng 13-14% chiếm 31-32.36% của GDP. Thu nhập bình quân đầu người đạt được 22.79 triệu kip (2,780 USD)/năm. Năm 2020 tổng dân số có thể đạt đến 1,067,695 người.

b. Chiến lược ngành xã hội

Phấn đấu giảm số lượng hộ gia đình nghèo, làng và huyện phải đạt được 100% trong năm 2020.

3.1.2. Chiến lược phát triển thương mại của tỉnh Savannakhet đến năm 2020

Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển thị trường và sản xuất trên cơ sở hiệu quả, các doanh nghiệp nhà nước phải thực sự là công cụ điều tiết thị trường, quản lý và ổn định giá cả hàng hóa, qua đó đảm bảo cho nhân dân được đầy đủ lương thực phẩm, hàng tiêu dùng đa dạng và đúng thị hiếu của họ.

Thúc đẩy công nghiệp chế biến và thủ công tăng trưởng trong tỷ lệ trung bình 17-18%/năm, chiếm 23% GDP cả tỉnh vào năm 2020.

Thúc đẩy giá trị thương mại trong nước tăng trưởng đạt tỷ lệ

trung bình 11%/năm và chiếm tỷ lệ của GDP 22% vào năm 2020.

3.1.3. Quản điểm quản lý hoạt động XNK

- Hoàn thiện quản lý XNK phải trên cơ sở kế thừa và phát triển những yếu tố tích cực và thành quả đã đạt được và bảo đảm tính hệ thống, ổn định và nhất quán.

- Hoàn thiện để nâng cao năng lực và hiệu quả của hệ thống quản lý XNK đồng thời khai thác các tiềm năng, lợi thế của tỉnh và tạo môi trường tích cực cho hoạt động kinh doanh XNK phát triển.

- Hoàn thiện quản lý XNK phải có kế hoạch, bước đi phù hợp và sự phối hợp, nhạy bén và sự biến đổi của thực tiễn.

- Hoàn thiện quản lý XNK cần phải phù hợp với quá trình chuyển sang nền kinh tế thị trường, tiếp cận và thích ứng với những “thước đo chung”, những “luật chơi chung” của thế giới.

3.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG XNK

3.2.1. Hoàn thiện cơ chế quản lý XNK

a. Mục đích yêu cầu

Bảo đảm cho hoạt động XNK ngày càng mở rộng và có chiều sâu không chỉ gia tăng quy mô XNK; Cơ chế quản lý XNK phải góp phần tạo ra môi trường thông thoáng, thuận lợi cho hoạt động XNK của doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân trong nền kinh tế; Cách thức quản lý XNK như chính sách, chiến lược phải phù hợp với tiến trình đổi mới nền kinh tế của tỉnh; Các chính sách, biện pháp quản lý XNK hỗ trợ và phục vụ tích cực cho quá trình hoàn thiện hệ thống pháp luật về XNK.

b. Nội dung cơ bản

Phải thực hiện điều tiết hoạt động XNK trên cơ sở tổng thể của cả nền kinh tế, định hướng phát triển công nghiệp, nông nghiệp và

phải tính đến hiệu ứng lan tỏa từ chính sách XNK đối với các lĩnh vực khác như an ninh, an toàn, giá cả, sức khỏe con người, đồng thời phải gắn liền hiệu quả với từng ngành hàng sản xuất; Phải kết hợp sử dụng các phương pháp định lượng và định tính để hoạch định các chính sách và công cụ quản lý nhà nước đối với các hoạt động XNK; Tiếp tục hoàn thiện quyền tự do thương mại gắn liền với quyền tự do XNK và ban hành cơ chế đồng bộ để đảm bảo cho quyền này được phát huy có hiệu quả; Đi đôi với mở rộng quyền kinh doanh XNK, phân cấp mạnh mẽ quyền hạn cho cơ sở để chủ động sản xuất kinh doanh cần phải tăng cường vai trò quản lý hoạt động XNK ở các địa phương và khu vực...

3.2.2. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật

a. Mục đích yêu cầu

Bảo đảm xây dựng về cơ bản nền tảng hạ tầng pháp luật cho hoạt động xuất nhập khẩu; Từng bước cải cách và điều chỉnh, sửa đổi các quy định về pháp luật liên quan tới hoạt động xuất nhập khẩu; Bản đảm cho hệ thống pháp luật này đạt được tính hiệu lực, hiệu quả và thực tiễn cuộc sống; Bảo đảm tính mềm dẻo linh hoạt theo tình hình của trong nước và quốc tế.

b. Nội dung cơ bản

Hoàn thiện hệ thống pháp luật về quản lý hoạt động XNK phải đạt các mục tiêu: Đổi mới toàn bộ hệ thống pháp luật XNK từ quy trình lập pháp, phương pháp soạn thảo, thẩm định cho đến ban hành đưa luật vào thực tiễn cuộc sống; Tôn trọng các quy luật khách quan của kinh tế thị trường, hàng hóa, tiền tệ và đảm bảo nguyên tắc bình đẳng, bảo vệ lợi ích hợp pháp của các chủ thể tham gia hoạt động XNK; Đảm bảo sự quản lý vĩ mô và chỉ huy điều hành thống nhất của các hoạt động XNK; Hệ thống pháp lý từ luật cho đến các quy

trình thủ tục, giữa phạm vi điều chỉnh và đối tượng điều chỉnh phải thống nhất và đồng bộ từ Trung ương đến địa phương; Đảm bảo sự tương thích với hệ thống pháp luật và thông lệ quốc tế trên cơ sở cân nhắc giải quyết tốt mối quan hệ giữa yêu cầu quản lý nhà nước và thông thoáng tạo thuận lợi trong hoạt động XNK...

3.2.3. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách XNK

a. Mục đích yêu cầu

Trong những năm tới, với quan điểm chủ động hội nhập đòi hỏi chính sách XNK của tỉnh phải vừa tạo tiền đề phát huy nội lực và ngoại lực vừa phải phù hợp với các định chế và thông lệ thương mại của nước và TMQT. Tuy nhiên, xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp với thông lệ quốc tế nhưng phải xuất phát từ đặc thù kinh tế - xã hội của tỉnh, giải quyết thỏa đáng giữa tính đặc thù và tính phổ biến hài hòa, tương thích.

b. Nội dung cơ bản

❖ Đối với xuất khẩu

Mục tiêu của chiến lược phát triển xuất khẩu của tỉnh Savannakhet trong thời gian đến là: thu hẹp khai thác theo chiều rộng, chuyển hướng theo chiều sâu các yếu tố: tài nguyên, lao động và vốn; sử dụng nguồn lực cho mỗi đơn vị sản phẩm hợp lý; tăng trưởng xuất khẩu gắn liền với tiết kiệm nguồn lực, đảm bảo an ninh tài nguyên, môi trường. Trong đó, phải nhanh chóng chuyển dịch cơ cấu ngành hàng xuất khẩu, vừa triệt để khai thác những lợi thế so sánh tĩnh, vừa tạo dựng lợi thế so sánh động nhằm tăng sức cạnh tranh cho sản phẩm xuất khẩu.

❖ Đối với nhập khẩu

Mục tiêu của chiến lược nhập khẩu trong thời gian đến là: phải cân bằng với xuất khẩu, chủ yếu để phục vụ sản xuất xuất khẩu, đáp

ứng những lĩnh vực trọng yếu của đất nước và nhu cầu thiết yếu của nhân dân.

3.2.4. Hoàn thiện hệ thống các công cụ quản lý XNK

a. Mục đích yêu cầu: Bảo đảm cho các công cụ quản lý XNK phù hợp với những thay đổi của môi trường kinh tế quốc tế theo những quy định chung của thế giới như cắt giảm các hàng rào thương mại, chuyển các công cụ phi thuế quan sang thuế quan; Mở rộng sử dụng các công cụ thuế quan thay cho các công cụ phi thuế quan; Cần phải nhanh chóng hoàn thiện các công cụ bảo hộ đã được quốc tế hóa như đã nêu ở trên.

b. Nội dung cơ bản

Hoàn thiện chính sách thuế quan; Hoàn thiện Biểu thuế XNK; Sử dụng hạn ngạch thuế quan để bảo vệ sản xuất trong nước; Hoàn thiện hệ thống các công cụ phi thuế quan; Hoàn thiện các biện pháp quản lý định lượng; Quản lý ngoại hối và tỷ giá linh hoạt và hợp lý...

3.3. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

3.3.1. Kết luận

- Hệ thống hóa những vấn đề có tính lý luận và thực tiễn về TMQT và quản lý hoạt động XNK. Tổng hợp phân tích hệ thống các công cụ chính sách mang tính thông lệ quốc tế tác động đến hoạt động XNK. Hệ thống hóa lý luận và nêu lên những nguyên tắc cơ bản và tính tất yếu khách quan phải hoàn thiện công tác quản lý hoạt động XNK của tỉnh trong giai đoạn hiện nay.

- Phân tích, đánh giá những nhân tố cơ bản tác động đến quá trình quản lý hoạt động XNK của Lào và tỉnh Savannakhet.

Tổng kết đánh giá quá trình thực hiện quản lý hoạt động XNK trong từng giai đoạn của tỉnh Savannakhet.

- Từ những căn cứ nêu trên và quan điểm của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội, Chiến lược phát triển XNK thời kỳ 2011 - 2020 và xu hướng vận động của TMQT, luận văn đã nêu lên hệ thống các quan điểm, phương hướng và đề xuất các giải pháp hoàn thiện quản lý hoạt động XNK trong giai đoạn Lào đã chính thức gia nhập WTO. Những giải pháp này đã bám sát yêu cầu thực tiễn và mục tiêu XNK đặt ra, trong đó có những giải pháp làm cơ sở để hoạch định các biện pháp cụ thể hơn nhằm bảo vệ lợi ích và nâng cao năng lực quốc gia trong điều kiện ngoại thương của một nước còn non trẻ nhưng phải tuân thủ những cam kết quốc tế đã ký kết.

3.3.2. Kiến nghị

a. Với Chính phủ, các Bộ ban ngành của CHDCND Lào

- Cần hoàn thiện chính sách, cơ chế điều hành XNK theo kịp với mục tiêu phát triển trong giai đoạn mới

- Cần hoàn thiện hệ thống chính sách thuế XNK theo kịp với xu thế hội nhập

- Xây dựng và hoàn thiện hàng rào thương mại phù hợp với chuẩn mực quốc tế;

- Khắc phục những bất cập trong quản lý ngoại hối và tỷ giá

- Đơn giản hóa thủ tục hải quan

b. Với tỉnh và các huyện trực thuộc tỉnh

Tiếp tục chỉ đạo các sở ngành có liên quan hoạt động XNK để có thể làm cho XNK tỉnh ngày càng phát triển.

Tạo cơ hội thuận lợi để các cơ sở kinh doanh XNK tiếp cận với vốn hoạt động XNK hàng hóa.

Thực hiện tốt chủ trương của Nhà nước về khuyến khích để các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế đầu tư vào lĩnh vực kinh doanh XNK.

Hoàn thiện công tác quản lý đối với hoạt động XNK, nâng cao trình độ chuyên môn, khoa học, kỹ thuật và quản lý kinh tế cho cán bộ các cấp, giải quyết tốt các vấn đề mới nảy sinh trong quá trình điều hành thực hiện các chính sách công nghiệp.